TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2019
V/v Tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.
Các *Hội thẩm nhân dân:*
Bà Nguyễn Thị Mai;
Bà Huỳnh Thị Thanh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Trần Văn Quới - thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Thanh Kiều – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 105/2019/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trương Thị G, sinh năm 1982, nơi cư trú: t3, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh A, có mặt;

- *Bị đơn*: Ông Huỳnh Minh M, sinh năm 1979, nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ghi ngày 04 tháng 3 năm 2019 và lời trình bày của nguyên đơn bà Trương Thị G trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa hôm nay như sau*: Về hôn nhân: Bà và ông Huỳnh Minh M được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn số 39/2002, ngày 11 tháng 12 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân xã A (theo bản sao trích lục kết hôn số 141/TLKH-BS ngày 27 tháng 03 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh A). Trong thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do ông M không lo làm ăn, suốt ngày cờ bạc đá gà đi Casino, vợ chồng không còn

sống chung từ tháng 01/2019, hiện nay bà đang sống tại nhà cha mẹ ruột cũng tại ấp A, xã A.

Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị Minh Th, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2002 và Huỳnh Minh Th1, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2013. Bà G đồng ý giao 02 con chung cho ông M nuôi dưỡng và bà không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

- Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Huỳnh Minh M đều vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

- Ý kiến của cháu Huỳnh Thị Minh Th và Huỳnh Minh Th1: Đều có nguyện vọng được sống với cha Huỳnh Minh M.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân giữa bà Trương Thị G và ông Huỳnh Minh M có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Cả hai đã xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung không còn hạnh phúc, đến nay cả hai không còn sống chung với nhau. Do đó, có cơ sở cho ly hôn theo yêu cầu của Bà G.

+ Về con chung: Huỳnh Thị Minh Th, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2002 và Huỳnh Minh Th1, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2013. Bà G tự nguyện giao cho ông M quyền nuôi dưỡng con chung và không cấp dưỡng, các cháu Th và Th1 đều có nguyện vọng được sống với ông M, nghĩ nên giao cho ông M quyền nuôi con chung là phù hợp quy định pháp luật.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng theo quy định pháp luật.

- Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập: Biên bản xác minh ngày 24 tháng 5 năm 2019 tại ấp A, xã A, huyện T; Biên bản xác minh của ông Huỳnh Văn T

(cha ruột ông M) ngày 24 tháng 6 năm 2019.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Trương Thị G vẫn giữ nguyên yêu cầu; ông Huỳnh Minh M vắng mặt;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn ông Huỳnh Minh M đã được Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên triệu tập hợp lệ có mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Huỳnh Minh M có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh A. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về thủ tục đăng ký kết hôn: Theo Bản chính trích lục cải chính hộ tịch số 58/TLCCHT ngày 27 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện T, cải chính "thay đổi chữ đệm của chồng" tại giấy chứng nhận kết hôn số 39/2002, ngày 11 tháng 12 năm 2002 của Ủy ban nhân dân xã A từ tên chồng: **Huỳnh Văn M**, thành **Huỳnh Minh M**. Như vậy, việc cải chính theo đúng quy định, nên có cơ sở xác định giấy chứng nhận kết hôn số 39/2002, ngày 11 tháng 12 năm 2002 của Ủy ban nhân dân xã A của người đăng ký kết hôn là Trương Thị G và Huỳnh Minh M theo bản sao trích lục kết hôn số 141/TLKH-BS ngày 27 tháng 03 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh A.

- Về hôn nhân: Bà Trương Thị G và ông Huỳnh Minh M đăng ký kết hôn theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo pháp luật. Xét thấy về tình cảm Bà G và ông M đã xảy ra mâu thuẫn trong một thời gian, đến tháng 1/2019 xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, cải vã, dẫn đến Bà G bỏ nhà đi và không còn chung sống từ đó. Điều này phù hợp theo nội dung xác minh tại Ban ấp A, xã A ngày 24 tháng 5 năm 2019: *".....tết âm lịch 2018 Bà G và ông M xảy ra cải nhau và đánh nhau ...."*, đồng thời ông Huỳnh Văn T (cha ruột ông Huỳnh Minh M) ngày 24 tháng 6 năm 2019 cũng xác định: *"...khoảng tháng 01/2019 thì tiếp tục xảy ra cải nhau, M có tát G một cái thì sau đó G về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay..."*. Như vậy, thấy rằng cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử thấy rằng bà Trương Thị G xin ly hôn là có căn cứ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Huỳnh Thị Minh Th, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2002 và Huỳnh Minh Th1, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2013. Bà G tự nguyện giao cho ông M quyền nuôi dưỡng con chung và không cấp dưỡng, các cháu Th và Th1 đều có nguyện vọng được sống với ông M, do đó cần giao cho ông M quyền nuôi con chung là phù hợp quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do ông M vắng mặt không có ý kiến, nên không có cơ sở xem xét, ông M được quyền yêu cầu chi phí cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và tự lao động được bằng vụ án khác.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Do đó, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị là có cơ sở.

[3] Về án phí: Bà Trương Thị G khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch. Ông Huỳnh Minh M không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Trương Thị G.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa Bà Trương Thị G và Ông Huỳnh Minh M.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao 02 (hai) con chung tên Huỳnh Thị Minh Th, sinh ngày 08 tháng 9 năm 2002 và Huỳnh Minh Th1, sinh ngày 20 tháng 02 năm 2013 cho ông Huỳnh Minh M trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Bà Trương Thị G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Huỳnh Minh M cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà Trương Thị G quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trương Thị G phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0014664 ngày 01 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên. Bà Trương Thị G đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 39/2002, ngày 11 tháng 12 năm 2002 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh A (theo bản sao trích lục kết hôn số 141/TLKH-BS ngày 27 tháng 03 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh A) không còn giá trị pháp lý.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sư;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- Chi cục THADS h.TB;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- UBND xã A;
- Lưu HS & VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Ngọc Mỹ